TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2024/KDTM-PT Ngày: 27 - 02 - 2024 V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán hàng hóa"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngân**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 939/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN H6 (viết tắt: Công ty H6).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Kim Thy P - Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

Địa chỉ: Số I đường D, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Bà Lê Hoài G, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 4 N, phường F, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN M1 (viết tắt: Công ty M1).

Đại diện theo pháp luật: Ông JEONG JINYEOL - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

Địa chỉ: D ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Chị Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

2. Anh Trần H, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Căn A, Paris H, số C, đường số A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Bình M, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: 1 Đ, phường I, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Luật sư Ngô Thị Kim T1 – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn P1 và các cộng sự (Vắng mặt).

Địa chỉ: Căn A, Paris H, số C, đường số A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Luật sư Võ Phan Duy A - Văn phòng L, Đoàn luật sư thành phố H (Có mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Phan Kim Thy P trình bày:

Công ty H6 và công ty M1 nhiều lần thỏa thuận ký hợp đồng mua bán vải trong năm 2021 và năm 2022. Khi công ty M1 đặt hàng thì gọi điện thoại hoặc có khi gửi email; công ty H6 sẽ chuẩn bị hợp đồng để hai bên ký kết và sau đó sẽ giao hàng tận kho công ty M1. Trước khi nhận hàng, công ty M1 kiểm tra hàng và ký nhận. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, công ty M1 phải thanh toán tiền hàng trong hạn 8 ngày, kể từ ngày nhận hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty M1 không thanh toán nợ đúng hạn. Đến tháng 02/2022, công ty M1 ngưng mua vải của công ty H6. Đến ngày 30/4/2022, hai bên đối chiếu công nợ: Công ty M1 còn nợ lại công ty H6 tổng số tiền là 3.279.726.799 đồng; sau đó, công ty M1 nhiều lần thanh toán thêm được tổng số tiền 2.812.598.463 đồng và tính đến ngày 31/5/2022 còn nợ lại 467.128.336 đồng theo Biên bản xác nhận công nợ ký ngày 19/7/2022.

Đến khoảng tháng 10/2022, công ty M1 cho rằng công ty H6 còn nợ tiền của công ty M1 theo Bản thỏa thuận khiếu nại hàng hóa lỗi hỏng đề ngày 21/02/2022, có chữ ký của ông Kang Huyn H1 - Giám đốc cũ của công ty H6 nên công ty M1 sẽ không thanh toán tiền hàng còn nợ theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 19/7/2022. Bà là chủ công ty H6 nhưng không biết và không được

công ty T4 về nội dung thỏa thuận này trước đó nên hai bên phát sinh tranh chấp.

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2022, Công ty H6 yêu cầu công ty M1 thanh toán tiếp số tiền mua vải còn nợ là 467.128.336 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc là 467.128.336 đồng, tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm.

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/02/2023, bà P yêu cầu công ty M1 thanh toán tiếp số tiền mua vải còn nợ là 467.128.336 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ gốc là 467.128.336 đồng, tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Công ty H6 không đồng ý với yêu cầu phản tố của công ty M1. Vì các lý do sau: Thời điểm tháng 02/2022, công ty H6 không nhận được bất kỳ phản hồi nào về lô hàng bị lỗi này cho đến tháng 10/2022, công ty M1 xuất trình Biên bản thỏa thuận ngày 21/02/2022. Hơn nữa, nội dung thể hiện trong bản thỏa thuận này ghi *"... được vận chuyển từ H về Tiền Giang ..."* không liên quan đến công ty M1 và họ tên của người đại diện lúc ghi là *"Go Mi H2"* lúc lại ghi là *"Ko Mi Hwa"*. Bản thỏa thuận được ông K và bà K1 lập bằng tiếng Hàn trong khi giao dịch giữa 02 công ty đều là công ty M1 và giao dịch được xác lập trên lãnh thổ Việt Nam. Tại phiên đối chất, ông K thừa nhận tự giải quyết số vải lỗi với tư cách cá nhân và cho đến khi phía công ty M1 gửi bản thỏa thuận nêu trên thì bà mới biết. Việc ông K xác nhận ông trực tiếp đến xưởng của công ty M1 để kiểm tra và lập bản thỏa thuận tại đây, ký tên đóng dấu; như vậy ông đã không thảo luận với bất kỳ nhân viên nào khác hay kế toán, chủ sở hữu công ty là bà trong khi thỏa thuận này liên quan đến khoản bồi thường lớn là đã vi phạm Điều lệ của công ty *"Tự ý thực hiện hành vi cam kết bồi thường không có căn cứ"*. Ông K tự ý giữ con dấu công ty đến nay vẫn chưa bàn giao lại nên bà nghi ngờ ông K ký bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 vì động cơ cá nhân. Đơn giá 237.930 đồng/kg vải là đơn giá công ty H6 bán cho công ty M1 khi chưa tính chịu thuế VAT, số tiền thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng sẽ phải cộng thêm 10%VAT mới đúng với giá thực thể hiện trên hóa đơn và sổ sách kế toán. Nếu có thỏa thuận bồi thường thì đối với đơn giá 237.930 đồng/kg chứng tỏ ông K và bà K1 không tham khảo ý kiến kế toán của 02 công ty. Về chứng từ kế toán để báo cáo với cơ quan thuế, 02 công ty đều sử dụng 02 hóa đơn số 22 ngày 20/10/2021 và số 26 ngày 22/11/2021 mà công ty H6 đã xuất cho công ty M1 vào báo cáo tài chính năm 2021. Từ năm 2022 đến nay, công ty M1 không có bất kỳ phản hồi về

việc cần phải hủy 02 hóa đơn này để xuất lại hóa đơn mới. Cho thấy công ty M1 đã sử dụng số vải này và 02 hóa đơn nêu trên mà không làm chứng từ để báo cáo hủy với cơ quan thuế và hải quan khi đã cho hủy lô vải 2.342kg. Với nội dung đã được dịch sang tiếng Việt và ngay cả trong bản gốc tiếng Hàn thì văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 không thể hiện nội dung bồi thường cho công ty M1 mà chỉ ghi "TINE GIANG". Trong khi ông K và bà K1 là giám đốc đại diện 02 công ty đã nhiều lần ký hợp đồng mua bán với nhau nhưng không biết tên của công ty M1 mà ghi nhầm là Tiền Giang. Hơn nữa, công ty M1 cũng không có chứng cứ về việc hủy lô vải 2.342kg như phía công ty M1 trình bày. Trong các hóa đơn, chứng từ của công ty T5 do công ty M1 cung cấp đều ghi là thu gom rác thải, không chứng minh được trong số rác thải này có số vải lỗi nêu trên. Hơn nữa, ông K và bà K1 đã xác nhận vào ngày 21/02/2022 đã trực tiếp và kiểm tra phát hiện số vải lỗi và cho rằng do công ty H6 không yêu cầu hoàn lại nên công ty M1 mang đi hủy rác thải; như vậy số vải này phải được hủy sau ngày 21/02/2022 nhưng theo biên bản giao nhận chất thải công nghiệp thông thường do công ty M1 cung cấp thì rác thải được giao cho công ty T5 vào ngày 18/02/2022. Nếu số lượng rác thải được giao sau ngày 21/02/2022 thì đối với hóa đơn được xuất vào ngày 12/4/2022 nhưng tháng 4 số lượng rác thải của công ty M1 không tăng lên mà còn giảm hơn 2.000kg so với hóa đơn 02 tháng trước đó. Trong hợp đồng mua bán số HYT2110-01 ngày 10/10/2021 không có điều khoản liên quan đến việc xác định độ bền hay chất lượng của vải và công ty M1 đã không kiểm tra lô hàng khi nhận hàng mà vừa gia công vừa kiểm tra cũng như không giữ nguyên lô hàng để yêu cầu xử lý mà tự quyết định hủy rác thải và không thông báo cho bên bán là công ty H6 biết. Lô hàng này đã được giao từ ngày 20/10/2021 và ngày 21/11/2021; như vậy tính đến tháng 02/2022 hàng đã được giao hơn 3 - 4 tháng, công ty thiên Q mới đem ra gia công và phát hiện vải bị lỗi là đã hết thời hạn khiếu nại theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán. Hơn nữa lô hàng này có thể bị hư hỏng do lỗi bảo quản trong kho của công ty M1, dễ dẫn đến ẩm mốc, mục và dễ rách nên công ty H6 không thể bồi thường đối với lô hàng mà lỗi không thuộc về phía công ty H6. Trong số 2.342kg vải được công ty M1 xác định bị lỗi và thuộc lô hàng của 02 hóa đơn số 22 và số 26 nêu trên do công ty H6 xuất cho công ty M1 tương ứng với lô hàng do công ty D bán và xuất hóa đơn cho công ty H6 số 681 ngày 20/10/2021 và số 961 ngày 22/11/2021 trong cùng hợp đồng số DY-HY2105-0023 ngày 04/5/2021. Ngày 24/01/2022, ông K có gửi email cho đại diện công ty D xác định lô hàng bị lỗi cụ thể: màu trắng là 613,8kg, màu đen là 883,5kg và màu da là 1.236,9kg; tổng là 2.734,2kg bị lỗi và đã được sử dụng hết, chỉ có một ít bị lỗi

nặng không thể sử dụng được là 241kg x 190.080VNĐ thành tiền là 45.809.280 đồng và mỗi bên trả 1/2 nên công ty D sẽ phải bồi thường cho công ty H6 số tiền 22.904.640 đồng. Cho thấy, công ty M1 đã sử dụng số vải này mà không tiêu hủy rác thải như công ty M1 trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện ủy quyền của bà P là anh Lưu Ngọc N xác định: Ngoài công ty M1, công ty H6 còn ký hợp đồng bán vải cho nhiều công ty khác và đối với 241 kg vải lỗi mà công ty D bồi thường cho công ty H6 như bà P trình bày trên chỉ bằng 1/10 số vải so với số vải mà bị đơn cho rằng bị lỗi; hơn nữa bị đơn không có chứng cứ chứng minh số vải lỗi này do công ty H6 giao theo hợp đồng nào và giao vào thời điểm nào; vì giữa hai công ty ký rất nhiều hợp đồng mua bán vải cùng loại chỉ khác màu như bị đơn đã trình bày. Nay công ty H6 không đồng ý với yêu cầu phản tố của công ty M1; công ty H6 yêu cầu công ty M1 tiếp tục thanh toán số tiền mua vải còn nợ là 467.128.336 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 557.249.425 đồng được tính trên số nợ gốc kể từ ngày công ty M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các hợp đồng mà hai bên đã ký kết gồm: Hợp đồng mua bán số HYT-1230-1 ngày 30/12/2020, Hợp đồng mua bán số HYT-2103-01 ngày 01/3/2021, Hợp đồng mua bán số HYT2105-01 ngày 03/5/2021, Hợp đồng mua bán số HYT2105-02 ngày 04/5/2021, Hợp đồng mua bán số HYT2110-01 ngày 10/10/2021, Hợp đồng mua bán số HYT2111-01 ngày 05/11/2021, Hợp đồng mua bán số HYT2112-01 ngày 13/12/2021 và Hợp đồng mua bán số HYT22-0111 ngày 11/01/2022 cho đến ngày 28/8/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 là 17,7%/năm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Công ty M1 và công ty H6 có quan hệ mua bán hàng hóa là vải may mặc đã lâu năm. Theo thông lệ mua bán giữa hai bên, khi có nhu cầu mua vải để gia công, hai bên sẽ ký kết các hợp đồng mua bán để thống nhất về loại vải, màu sắc, số lượng (thông thường số lượng vải mua bán là 10.000kg) và đơn giá. Sau đó, công ty M1 sẽ gọi điện cho công ty H6 để đặt hàng số vải cần giao, theo đó công ty H6 sẽ giao hàng cho công ty M1 thành nhiều đợt cho đến khi đủ số lượng vải theo thỏa thuận hợp đồng.

Theo nhu cầu mua bán của hai bên, ngày 10/10/2021, hai bên đã ký Hợp đồng mua bán số HYT2110-01 có nội dung: Công ty M1 đặt mua 10.000kg vải loại CM40S MVS + SP40D SINGLE JSY, màu BLACK & BEIGE, có giá 237.930 đồng/kg từ Công ty H6. Thực hiện theo hợp đồng này, công ty H6 đã giao cho công ty M1 2.287,9kg vải trong tháng 10/2021 và giao 2.725,8kg vải trong tháng 11/2021. Tuy nhiên, đến tháng 02/2022, khi sử dụng số vải này để

cắt may thì phát hiện vải dễ bị rách khi may, thậm chí dùng tay căng nhẹ sẽ bị rách, không thể sử dụng được nên công ty M1 cho dừng hoạt động gia công đối với số vải này để tránh lãng phí nhân công và phụ liệu. Đồng thời, giám đốc công ty là bà Ko Mi H3 gọi điện thoại thông báo cho giám đốc công ty H6 thời điểm đó là ông Kang Hyun H4 biết về tình trạng vải kém chất lượng. Sau đó, ông K có trực tiếp đến nhà máy của công ty M1 để kiểm tra, xác nhận về chất lượng, số lượng vải bị lỗi mà công ty H6 đã giao. Hai bên đã thống nhất giải quyết theo nội dung Bản thỏa thuận khiếu nại hàng hóa lỗi hỏng được ký kết ngày 21/02/2022, theo đó Công ty H6 sẽ cung cấp miễn phí số lượng vải bị lỗi là 2.432kg trong các đơn hàng tiếp theo trước ngày 22/7/2022; nếu quá thời hạn này mà công ty H6 không thực hiện việc cung cấp vải miễn phí thì sẽ bồi thường cho công ty M1 số tiền là 578.645.760 đồng trước ngày 15/8/2022.

Trong quá trình thỏa thuận để giải quyết số lượng vải kém chất lượng này, hai bên không thỏa thuận việc xử lý số vải lỗi và công ty H6 cũng không có yêu cầu nhận lại số hàng lỗi. Trên thực tế, hai bên đã kiểm tra và nhận thấy số vải này không thể sử dụng được và việc xử lý số vải này chỉ tốn kém thêm chi phí cho bên xử lý nên công ty M1 đã giao số vải này cho công ty TNHH T5 xử lý theo đúng quy trình xử lý rác thải thông thường và tự chịu toàn bộ chi phí xử lý, không vi phạm thỏa thuận với công ty H6.

Theo khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 297 Luật Thương mại năm 2005 và khoản 2 Điều 356 Bộ luật Dân sự thì công ty H6 đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng không đúng thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán nên công ty M1 có quyền yêu cầu công ty H6 phải giao lô vải khác để thay thế số vải lỗi hoặc thanh toán giá trị số vải lỗi nếu không thể thay thế. Tuy nhiên hiện đã quá thời hạn bồi thường theo bản thỏa thuận ngày 21/02/2022 nhưng công ty H6 không cung cấp miễn phí số lượng vải và cũng không thanh toán số tiền mà hai bên thỏa thuận bồi thường nên công ty M1 phản tố yêu cầu công ty H6 phải thanh toán số tiền 578.645.760 đồng và sau khi cấn trừ vào số tiền hiện công ty M1 còn nợ công ty H6 là 467.128.336 đồng thì công ty H6 phải thanh toán cho công ty M1 số tiền còn lại là 111.517.424 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Công ty M1 không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn vì tại biên bản xác nhận công nợ ngày 19/7/2022, hai bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán và việc tính tiền lãi, mức lãi suất.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39;

Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty H6. Buộc công ty M1 có nghĩa vụ trả cho công ty H6 số tiền mua vải còn nợ là 467.128.336 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 30/4/2022 đến ngày 28/8/2023 là 108.298.743 đồng, tổng cộng là 575.427.079 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi chín đồng). Thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, công ty M1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn công ty M1 về việc yêu cầu công ty H6 phải thanh toán số tiền 578.645.760 đồng và sau khi cấn trừ vào số tiền hiện công ty M1 còn nợ công ty H6 là 467.128.336 đồng thì công ty H6 phải thanh toán cho công ty M1 số tiền còn lại là 111.517.424 đồng, thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/9/2023, bị đơn Công ty TNHH MTV M1 có đơn kháng cáo với nội dung: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về thanh toán tiền lãi của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 07/12/2023, ông Kang Hyun H4 có đơn khiếu nại gửi Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang với nội dung: Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông có triệu tập ông để đối chất theo Quyết định số 08/2023/QĐ-ĐC ngày 28/02/2023 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng khi đưa ra xét xử cũng như tại bản án số 03/2023/KDTM-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông không thể hiện ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 07/12/2023, Công ty M1 người đại diện là ông Jeong Jin Y có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa ông Kang Hyun H4 và Công ty D1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và triệu tập tham gia phiên tòa.

Ngày 12/12/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty M1 - Luật sư Võ Phan Duy A có đơn đề nghị đưa anh Phạm Minh T2 là nhân viên của Công ty M1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Ngày 10/01/2024, Công ty M1 người đại diện là ông Jeong Jin Y có đơn đề nghị đưa chị Nguyễn Thị Cẩm T3 là nhân viên của Công ty M1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử nhận được văn bản thỏa thuận của công ty H6 và công ty M1 (văn bản đề ngày 27/02/2024) đồng thời người đại diện ủy quyền của công ty H6 và người đại diện ủy quyền của công ty M1 cũng đã thỏa thuận được với nhau là: Công ty M1 trả cho Công ty H6 số tiền là 467.128.336 đồng làm 03 lần, mỗi lần là 1/3 của số tiền 467.128.336đồng, thời gian trả từ ngày 20/4/2024 đến ngày 20/6/2024. Công ty H6 không yêu cầu Công ty M1 trả số tiền lãi chậm thanh toán là 108.298.743đồng và nếu công ty M1 không trả tiền đúng như thỏa thuận thì Công ty H6 được quyền yêu cầu tính lãi chậm thi hành đối với số tiền vi phạm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Công ty M1, sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án "Hợp đồng mua bán hàng hóa" là có căn cứ và phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Quỳnh T và anh Trần H, người đại diện ủy quyền của Công ty M1 cũng như luật sư Ngô Thị Kim T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh Nguyễn Bình M người đại diện ủy quyền của công ty M1 đồng ý xét xử vắng mặt chị T, anh H và luật sư T1, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với chị T, anh H và luật sư T1.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty H6 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần đầu ngày 17/9/2020 với mã số doanh nghiệp 0316490738 là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viêM1, có tên là Công ty trách nhiệm hữu hạn H6 (gọi tắt Công ty H6), chủ sở hữu Công ty là bà Phan Kim Thy P, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Kang Hyun H4, chức vụ là giám đốc. Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/6/2022, chủ sở hữu là bà Phan Kim Thy P, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng là bà Phan Kim Thy P, chức vụ giám đốc.

Công ty M1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần đầu ngày 14/4/2014 và thay đổi lần thứ 4 ngày 29/4/2021 với mã số doanh nghiệp 1201475421 là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M1 (gọi tắt Công ty M1), người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Jeong J, chức danh Tổng giám đốc.

Thời gian từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 01 năm 2022, Công ty H6 và Công ty M1 nhiều lần thỏa thuận ký hợp đồng mua bán vải. Khi Công ty M1 đặt hàng thì gọi điện thoại hoặc có khi gửi email, Công ty H6 sẽ chuẩn bị hợp đồng để hai bên ký kết và giao hàng đến tận kho của Công ty M1. Theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán Công ty M1 có trách nhiệm kiểm tra số lượng và chất lượng khi nhận hàng và phải thanh toán tiền hàng trong thời gian 08 ngày khi nhận hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, Công ty M1 không thực hiện việc thanh toán tiền hàng đúng hạn. Đến tháng 02 năm 2022 Công ty M1 ngưng mua vải của Công ty H6. Ngày 19/7/2022, Công ty H6 và Công ty M1 có biên bản xác nhận công nợ với nội dung: "Cùng nhau xác nhận về công nợ, cụ thể như sau: Công nợ đầu kỳ chốt ngày 30/4/2022 là 3.279.726.799đồng. Số tiền bên B đã thanh toán đến ngày 31/5/2022 là 2.812.598.463đồng. Tính đến ngày 19/7/2022 bên B còn nợ bên A số tiền 467.128.336đồng". Căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ, Công ty H6 yêu cầu Công ty M1 trả số tiền hàng còn nợ là 467.128.336đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Công ty M1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty H6 và cho rằng hợp đồng mua bán số HYT2110-01 có nội dung công ty M1 đặt mua của Công ty H6 10.000kg vải loại CM40S MVS+SP40D SINGLE JSY, màu BLACK &BEIGE, có giá 237.930đồng/kg. Công ty H6 đã giao cho Công ty M1 2.287,9kg vải trong tháng 10/2021 và giao 2.725,8kg vải trong tháng 11/2021. Tuy nhiên đến tháng 02/2022 khi sử dụng số vải này để cắt may thì phát hiện vải dễ bị rách khi may nên không thể sử dụng được, bà Ko Mi H3 là giám đốc của Công ty M1 và ông Kang Hyun H4 là giám đốc của công ty H6 thời điểm đó lập

“Bản thỏa thuận khiếu nại hàng hóa lỗi hỏng” vào ngày 21/02/2022 với nội dung Heeya Tex sẽ cung cấp miễn phí số lượng vải bị lỗi là 2.432kg trong các đơn hàng tiếp theo trước ngày 22/7/2022. Nếu quá thời hạn mà công ty H6 không thực hiện việc cung cấp vải miễn phí thì sẽ bồi thường cho công ty M1 số tiền là 578.645.760đồng trước ngày 15/8.

Công ty M1 có yêu cầu phản tố là yêu cầu công ty H6 phải thanh toán số tiền 578.645.760đồng và sau khi cấn trừ vào số tiền hiện Công ty M1 còn nợ Công ty H6 là 467.128.336đồng thì Công ty H6 phải thanh toán cho Công ty M1 số tiền còn nợ lại là 111.517.424đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty H6, không chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty M1, Công ty M1 không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Hoài G người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Nguyễn Bình M người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thỏa thuận với nhau theo tinh thần nội dung văn bản “Thỏa thuận hòa giải tranh chấp tại Tòa án” ngày 27/02/2024 giữa Công ty H6 và Công ty M1 là: Công ty M1 trả số tiền hàng hóa còn nợ cho Công ty H6 với số tiền là 467.128.336đồng không phải trả lãi. Thời gian thực hiện làm 03 lần: Ngày 20/4/2024 trả số tiền 155.709.000đồng, ngày 20/5/2024 trả số tiền 155.709.000đồng và ngày 20/6/2024 trả số tiền 155.710.336đồng. Nếu công ty M1 không thực hiện đúng nghĩa vụ như thỏa thuận thì Công ty H6 được quyền yêu cầu tính lãi chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa Phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của luật sư là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí: Công ty M1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, điều 309, khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 50 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH H6 (Công ty H6) và Công ty TNHH MTV M1 (Công ty M1) tại phên tòa. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Công ty M1 có nghĩa vụ trả cho công ty H6 số tiền là 467.128.336đồng, thời gian thực hiện trả như sau:

- Ngày 20/4/2024 trả số tiền là 155.709.000đồng.

- Ngày 20/5/2024 trả số tiền là 155.709.000đồng.

- Ngày 20/6/2024 trả số tiền là 155.710.336đồng.

Nếu Công ty M1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận thì Công ty H6 được quyền yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Công ty M1 phải chịu 22.685.000đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, Công ty M1 đã nộp 13.872.900đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028476 ngày 17/01/2023 và biên lai thu số 0028957 ngày 15/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, còn phải nộp tiếp số tiền là 8.812.100đồng.

H5 lại cho Công ty H6 số tiền là 12.195.543đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028310 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyết Linh